

Số: 145/2022/QĐST-HNGĐ

Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Văn Lam - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Hà Thị Vân Nga

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: bà Dương Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 205/2022/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc “Thuận tình ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp số 94/2022/QĐ-TA ngày 28 tháng 11 năm 2022 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

- Anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Hải Đ, sinh năm 1989; Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Thôn P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Mỹ. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn có tại hồ sơ, anh Nguyễn Thế A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Hải Đ kết hôn ngày 16/9/2011 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống được đến khoảng năm 2017 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do vợ chồng thiếu sự tin tưởng, luôn nghi kỵ lẫn nhau. Năm 2019, anh Thế A đã làm đơn ly hôn nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hòa giải nhưng vẫn không cải thiện được. Cũng năm đó, chị Đ đi xuất khẩu lao động ở nước Mỹ. Tình trạng mâu thuẫn vợ

chồng do xa nhau nên càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh [Thế A](#) đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là [Nguyễn Hoàng Bào N](#), sinh ngày 07/10/2012; [Nguyễn Hoàng Nhã T](#), sinh ngày 03/3/2014; [Nguyễn Hoàng Â](#), sinh ngày 09/5/2016. Anh [Thế A](#) đề nghị Tòa án giao cả ba con chung cho chị [Nguyễn Thị Hải Đ](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh [A](#) không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, do chị [Đ](#) đang ở nước ngoài nên bà [Bùi Thị Tuyết L](#) là mẹ đẻ chị [Đ](#) sẽ chịu trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba cháu thay chị [Đ](#).

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc, anh [A](#) đã có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết, chị [Nguyễn Thị Hải Đ](#) đã nộp cho Tòa án qua đường bưu điện các tài liệu sau: Bản tự khai và xin vắng mặt, giấy ủy quyền, bản gốc giấy chứng nhận kết hôn. Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký của chị [Đ](#) trong các tài liệu trên so với chữ ký của chị [Đ](#) trong Giấy đăng ký kết hôn. Tại Kết luận giám định số 1004, ngày 16/11/2022 của [Phòng K Công an tỉnh H](#) đã kết luận: Chữ viết và chữ ký đề tên [Nguyễn Thị Hải Đ](#) dưới mục người tự khai và mục Người ủy quyền so với chữ ký, chữ viết đề tên [Nguyễn Thị Hải Đ](#) dưới mục vợ ở Giấy chứng nhận kết hôn là cùng một người viết ra. Theo đó, chị [Đ](#) cũng thống nhất như trình bày của anh [Nguyễn Thế A](#) về các quan hệ về hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung và thống nhất đề nghị Toà án giải quyết ly hôn, thống nhất thỏa thuận chị [Đ](#) sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ba con chung là [Nguyễn Hoàng Bào N](#), sinh ngày 07/10/2012; [Nguyễn Hoàng Nhã T](#), sinh ngày 03/3/2014; [Nguyễn Hoàng Â](#), sinh ngày 09/5/2016. Chị [Đ](#) yêu cầu anh [Thế A](#) cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian chị [Đ](#) đang ở nước ngoài bà [Bùi Thị Tuyết L](#) là mẹ đẻ chị [Đ](#) sẽ đảm nhận việc nuôi dưỡng, chăm sóc ba con thay chị [Đ](#). Về tài sản chung, nợ chung chị [Đ](#) thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà [Bùi Thị Tuyết L](#) mẹ đẻ chị [Đ](#) đã có đơn xin tự nguyện nuôi dưỡng ba cháu là [Nguyễn Hoàng Bào N](#), sinh ngày 07/10/2012; [Nguyễn Hoàng Nhã T](#), sinh ngày 03/3/2014; [Nguyễn Hoàng Â](#), sinh ngày 09/5/2016 thay chị [Đ](#) trong thời gian chị [Đ](#) đang ở nước ngoài và cam đoan sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo cuộc sống học tập ổn định bình thường cho cả ba cháu. Cháu [T](#) và [N](#) cũng đã có đơn trình bày nguyện vọng được sinh sống với mẹ và bà ngoại trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 116, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Chị [Nguyễn Thị Hải Đ](#) hiện cư trú tại Mỹ, có xác nhận tại Công văn số 15969 ngày 02/8/2022 của [Cục Q- Bộ C](#). Anh [Nguyễn Thế A1](#) có nơi cư trú tại [huyện L, tỉnh Hà Tĩnh](#) nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, Điều 37, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Anh [Nguyễn Thế A](#) và chị [Nguyễn Thị Hải Đ](#) đều có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ việc. Chị [Nguyễn Thị Hải Đ](#) đã ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ và các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà [Bùi Thị Tuyết L](#). Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh [Thế A](#), chị [Đ](#) theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh [Nguyễn Thế A](#) và chị [Nguyễn Thị Hải Đ](#) có đủ các điều kiện kết hôn; thực hiện việc đăng ký kết hôn hợp lệ vào ngày 16/9/2011 tại [Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh](#). Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 khẳng định hôn nhân của anh [A](#) và chị [Đ](#) là hợp pháp.

Quá trình sống chung, giữa vợ chồng anh [A](#), chị [Đ](#) phát sinh nhiều mâu thuẫn do thiếu sự tin tưởng và luôn nghi kỵ lẫn nhau. Mâu thuẫn chưa được hóa giải thì chị [Đ](#) xuất khẩu lao động, tình cảm vợ chồng vì thế càng phai nhạt dần. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh [A](#), chị [Đ](#) đã hết sức trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Các đương sự cũng đồng thuận đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đối chiếu các quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 việc công nhận yêu cầu thuận tình ly hôn giữa anh [Nguyễn Thế A](#) và chị [Nguyễn Thị Hải Đ](#) là phù hợp.

[2.1] Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là [Nguyễn Hoàng Bào N](#), sinh ngày 07/10/2012; [Nguyễn Hoàng Nhã T](#), sinh ngày 03/3/2014; [Nguyễn Hoàng Ân](#), sinh ngày 09/5/2016. Xét thấy, các đương sự đều có nguyện vọng thống nhất giao con chung cho chị [Nguyễn Thị Hải Đ](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh [Nguyễn Thế A](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bản thân cháu [T](#) và cháu [N](#) cũng đã có đơn trình bày nguyện vọng được sinh sống với chị [Nguyễn Thị Hải Đ](#) và bà ngoại [Bùi Thị Tuyết L](#). Vì vậy, cần công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con và trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của các bên. Và trong thời gian chị [Đ](#) đang ở nước

ngoài, bà [Bùi Thị Tuyết L](#) sẽ đảm nhận việc nuôi dưỡng, chăm sóc cả ba cháu thay chị [Đ](#).

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; Điểm b, khoản 1 Điều 37; Điều 39; Điều 149; Các Điều 361, 367, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 116, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 35, 36, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh [Nguyễn Thế A](#) và chị [Nguyễn Thị Hải Đ](#).

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao [Nguyễn Hoàng Bào N](#), sinh ngày 07/10/2012; [Nguyễn Hoàng Nhã T](#), sinh ngày 03/3/2014; [Nguyễn Hoàng Â](#), sinh ngày 09/5/2016 cho chị [Nguyễn Thị Hải Đ](#) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh [Nguyễn Thế A](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của anh [Nguyễn Thế A](#) (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000346 ngày 25/10/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự; UBND xã Thạch Kim;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Bùi Văn Lam

